

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93 /2022/HS-PT**

Ngày: 16/8/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các thẩm phán:* Ông **Võ Đình Phương**.

Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Ngọc Xuân Thiện** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2022/TLST-HS ngày 31/5/2022 đối với các bị cáo Võ Thị Kim T và Nguyễn Hải R do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2022/QĐXXPT-HS ngày 04/8/2022 đối với các bị cáo:

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Võ Thị Kim T, sinh năm 1979 tại: xã H, Khánh Hòa; nơi cư trú: phường G, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Võ Đình C (chết); con bà Trần Thị B (chết); chồng Lê M (1979), có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hải R, sinh năm 1986 tại: xã B, Bình Dương; nơi cư trú: phường G, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn E (chết); con bà Trương Thị D (1959); vợ Lê Thị Hoàng A (1990), có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 9/2018 đến tháng 01/2019, Võ Thị Kim T đứng ra nhận đi làm giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn cho người dân trên địa bàn thị xã H với số tiền từ 100.000đ đến 200.000đ/người. Sau khi nhận được những giấy tờ, thông tin của người dân, T không đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện mà liên hệ với Nguyễn Hải R làm ở tiệm photocopy S ở phường G, thị xã H, mục đích là thuê R làm giả các giấy tờ trên với giá từ 15.000 - 20.000đ/bản, đối với mỗi bản in thêm của mỗi người R thu thêm 5.000đ. Sau khi nhận được các giấy tờ và thông tin do T cung cấp gồm các bản sao giấy khai sinh, trích lục khai sinh, trích lục kết hôn do UBND phường G cấp có chữ ký của ông Nguyễn Thành N - Chủ tịch UBND, ông Huỳnh Chiêm Đ - Phó chủ tịch UBND, ông Hồ Quốc U - Phó chủ tịch UBND và mẫu con dấu của UBND phường G được đóng dấu trên các giấy tờ này, R dùng giấy trắng để che những chữ in khác rồi bỏ vào máy photocopy để scan phần dấu tròn đỏ, chữ ký và họ tên chức vụ của người có thẩm quyền rồi lưu trong máy vi tính.

Sau đó R tiếp tục sử dụng máy vi tính có kết nối internet tải các mẫu giấy tờ cần làm rồi điền thông tin do T cung cấp và tự điền số vào đó rồi in theo số lượng đã đặt trước và giao cho T. Với cách thức và thủ đoạn như trên, T và R đã làm giả được bản sao giấy khai sinh cho 94 trường hợp, bản sao trích lục khai sinh cho 12 trường hợp và bản sao trích lục kết hôn cho 01 trường hợp. Với 107 trường hợp nêu trên, T đã nhận tổng số tiền là 11.640.000đ, đã trả công cho R là 2.325.000đ; trong đó có 42 trường hợp T làm giúp không lấy tiền nhưng có 23 người sau đó cho T tổng cộng là 1.270.000đ để mua quà cho con; 11 trường hợp đã làm xong giấy tờ giả nhưng T chưa giao và chưa lấy tiền do bị phát hiện gồm: Nguyễn Thị S, Lê Thị Ngọc H, Lê Quốc B, Võ Thị S, Trần Thị Mỹ F, Nguyễn I, Phạm Thị Kim G, Lâm J, Trần Thị K, Phạm Công L, Lâm Thị O; 54 trường hợp còn lại T làm có lấy tiền và đã nhận được tổng cộng 10.370.000đ từ 31 người, cụ thể:

- Ông Nguyễn U được người khác nhờ đi làm những loại giấy tờ này và đã nhận tiền công của 16 trường hợp gồm: Trương Văn A, Trương B, Trần Thị C, Lê Văn D, Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị F, Phạm Văn G, Đỗ Thị Thu H, Đỗ I, Ngô Ngọc J, Nguyễn K, Phạm Thị Kiều L, Nguyễn Văn M, Lưu Thị N, Phạm O, Phạm P. Tổng số tiền ông U nhận là 5.800.000đ, ông U nhờ lại và đã đưa cho T 3.930.000đ. Việc T nhờ R làm giả giấy tờ ông U không biết, sau khi sự việc bị phát hiện ông U đã nộp lại 1.870.000đ mà ông đã lấy tiền công trước đó.

- Bà Ngô Thị Kim O nhờ làm giấy tờ cho bản thân và ông Nguyễn N, đã đưa cho T 400.000đ.

- Bà Nguyễn Thị I nhờ làm giấy tờ cho bản thân và ông Nguyễn A, đã đưa cho T 400.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Thanh A nhờ làm giấy tờ cho bản thân và ông Lê R, đã đưa cho T 140.000đ.

- Bà Lê Thị Hằng nhờ làm giấy tờ cho bản thân và ông Đỗ Hữu A, đã đưa cho T 300.000đ.

- Bà Đào Thị Kim T nhờ làm giấy tờ cho Đào Đức H, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Thị O, Võ Thái B, đã đưa cho T 800.000đ.

- Bà Trần Thị Tuyết Q nhờ làm giấy tờ cho bản thân và Phạm Văn Đ, đã đưa cho T 300.000đ.

- Bà Nguyễn Thị E nhờ làm giấy tờ cho Nguyễn D, đã đưa cho T 50.000đ.

- Bà Huỳnh Thị M nhờ làm giấy tờ cho Ngô Thị U; Nguyễn Thị M nhờ làm giấy tờ cho Trương Thị Bích E; Huỳnh Thị Hồng P nhờ làm giấy tờ cho Hồ Đắc C; Phùng Thị Ngọc G nhờ làm giấy tờ cho Ngô Văn A; đã đưa cho T 200.000đ/người.

- 19 người nhờ làm giấy tờ cho bản thân gồm: Trần Thị D, Trần Thị P đã đưa cho T 50.000đ/người; Lê Thị M, Nguyễn Thị Ánh Y, Lê Thị X, Phạm Thị Kim J đã đưa cho T 100.000đ/người; Phạm Thị D, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị R, Nguyễn Duy H, Trần Thị M, Nguyễn Tiến A, Trần Thị E, Nguyễn Thị R, Dương Thị Kiều L, Bùi Thị Thu N, Phan Thị H đã đưa cho T 200.000đ/người; Trần L đã đưa cho T 150.000đ/người; Nguyễn Thị Mỹ N đã đưa cho T 400.000đ.

Ngoài ra, theo lời khai của Nguyễn Hải R còn nhận làm giấy tờ giả cho 01 trường hợp là bà Trần Thị Bích G với số tiền 15.000đ. Tuy nhiên, hiện nay bà G đã chết.

Tại các Kết luận giám định số 204/GĐTP/2019 ngày 24/4/2019 và số 519/GĐTP/2019 ngày 22/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chữ ký mang tên: Nguyễn Thành N - Chủ tịch UBND phường G; Hồ Quốc U - Phó Chủ tịch UBND phường G và Huỳnh Chiêm Đ - Phó chủ tịch UBND phường G trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1-A76 và từ A1-A39 không phải chữ ký trực tiếp, là chữ ký được in bằng phương pháp in phun màu. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “UBND PHƯỜNG G TX H T. KHÁNH HÒA” trên các tài liệu cần giám định từ A1 - A76 và A1-A39 không phải là hình dấu đóng trực tiếp, là hình dấu được in phun bằng phương pháp in phun màu.

Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, khoản 1 Điều 174; điểm b (đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”) điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị Kim T 03 năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm 06 tháng tù. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hải R 02 năm 06 tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Lần lượt các ngày 05 và 14/01/2022, các bị cáo Nguyễn Hải R, Võ Thị Kim T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 12/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm bản án hình sự với nội dung đề nghị không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hải R và tăng hình phạt đối với bị cáo R.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tranh luận: Sau khi nghiên cứu hồ sơ, tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 34/QĐ-VKS-HS ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Xét hành vi của các bị cáo T, R là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt nghiêm. Tại cấp phúc thẩm xét thấy không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 34/QĐ-VKS-HS ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H. Xét thấy việc rút Quyết định kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.

Đối với các Đơn kháng cáo của các bị cáo, xét thấy còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ để xem xét.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Thị Kim T, Nguyễn Hải R đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa đã xét xử bị cáo Võ Thị Kim T về các tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 341 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự; xét xử bị cáo Nguyễn Hải R về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều nhận thức được việc làm của mình là sai trái nhưng vẫn thực hiện nên cần xử phạt nghiêm.

Tuy nhiên, xét thấy đối với bị cáo T: Sau khi phạm tội, bị cáo T đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cung cấp tài liệu thể hiện, hiện nay bị cáo đang là người phụng dưỡng mẹ chồng là bà Huỳnh Thị Q, là nhân thân của liệt sĩ Lê Trung V, bị cáo là người trực tiếp thờ cúng liệt sĩ Lê Trung V. Ngoài ra, bị cáo còn là cháu của liệt sĩ Võ Đình X. Do vậy, đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” cần xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo. Đồng thời, tài liệu do bị cáo cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm còn thể hiện hộ gia đình của bị cáo có Giấy chứng nhận hộ cận nghèo của phường G, do vậy cần xem xét miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

Đối với bị cáo R: Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo R phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342; Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 34/QĐ-VKS-HS ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Thị Kim T, sửa bản án sơ thẩm đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Võ Thị Kim T.**

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim T 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; xử phạt 03 (ba) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Thị Kim T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hải R và giữ nguyên phần bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo Nguyễn Hải R.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Hải R.**

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hải R 02 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Võ Thị Kim T không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm và tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Hải R phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ giám đốc I;
- TAND TX. xã H;
- VKSND TX. xã H;
- Công an TX. xã H;
- Chi cục THADS TX. xã H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long